

Số: 22 /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 10 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT
Về biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2015

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, Công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008 và Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 4255/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 về Kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2015; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng biên chế, chỉ tiêu số người làm việc và hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp năm 2015 của tỉnh Quảng Trị (có phụ lục kèm theo) như sau:

1. Tổng chỉ tiêu biên chế hành chính: 2.095 biên chế.
2. Tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập: 17.224 chỉ tiêu.

Trong đó:

- Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: 13.753 chỉ tiêu;
- Sự nghiệp Y tế: 2.556 chỉ tiêu;
- Sự nghiệp Văn hóa - Thể thao: 363 chỉ tiêu;

- Sự nghiệp khác: 552 chỉ tiêu.

3. Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ: 228 chỉ tiêu.

4. Số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp: 851 chỉ tiêu.

5. Y tế xã: 627 chỉ tiêu.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Trình Bộ Nội vụ điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu biên chế công chức hành chính, số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2015 của tỉnh; quản lý, sử dụng biên chế hành chính, chỉ tiêu số người làm việc và hợp đồng lao động trong cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Đối với cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp đã được giao biên chế, chỉ tiêu số người làm việc nhưng chưa tuyển đủ thì chưa giao bổ sung chỉ tiêu năm 2015. Chấm dứt các hình thức hợp đồng đối với vị trí việc làm và số người làm việc đã được phê duyệt. Thực hiện tinh giản biên chế, số người làm việc và hợp đồng lao động không thời hạn trong cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp công lập theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

2. Trong năm kế hoạch, nếu có nhu cầu tăng biên chế, chỉ tiêu số người làm việc do thành lập tổ chức mới hoặc bổ sung chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Quốc hội, Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh thì Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án bổ sung biên chế, chỉ tiêu báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh biết để giám sát và báo cáo Bộ Nội vụ. Khi được cấp có thẩm quyền bổ sung biên chế mới tổ chức thực hiện.

3. Chỉ đạo rà soát tổ chức, chỉ tiêu số người làm việc, tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, huyện; thực hiện lộ trình tự chủ tài chính theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quản lý chặt chẽ các nguồn thu thông qua hoạt động dịch vụ công.

4. Tiếp tục ưu tiên tuyển dụng giáo viên, nhân viên trường học đang hợp đồng lao động có đủ tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ không kể thời gian tập sự, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ 3 năm trở lên, số hợp đồng còn lại đăng ký xét tuyển bình thường. Có giải pháp đồng bộ sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực của ngành giáo dục - đào tạo, bảo đảm giáo viên dạy đủ số tiết theo định mức; điều động giáo viên dôi dư đến công tác có thời hạn ở vùng khó, đảm bảo công bằng trong sử dụng viên chức giáo dục.

5. Trong năm 2015, thực hiện chính sách ưu tiên tuyển thẳng, bố trí việc làm cho 35 bác sỹ cử tuyển vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã ra trường công tác tại các cơ sở y tế.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2014 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- VPQH, VPCTN, VPCP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 4;
- TVTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- VKSND tỉnh, TAND tỉnh;
- Các sở: Nội vụ, Tài chính, GD - ĐT, LĐ - TB & XH, Thông tin & Truyền thông;
- VPTU, VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TTHĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Quảng Trị;
- Công báo tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: VT, HĐND tỉnh.

82b

CHỦ TỊCH



Lê Hữu Phúc



Phụ lục:

**CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC
VÀ HỢP ĐỒNG TRONG CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2015**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 2/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT	Đơn vị	Tổng số	Kế hoạch biên chế năm 2015									Hợp đồng khác	Trả lương từ nguồn thu SN của ĐV
			TS biên chế	Biên chế					TS HĐ68	HĐ68			
				QLNN	SNGD	SNYT	SN VHTT	SN khác		HC	SN		
	1	2=3+9	3=4+5+6+7+8	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11	12	13
I	SỞ, BAN, NGÀNH	7,097	6,904	1,165	2,578	2,510	209	442	193	93	100	153	737
1	Sở Công Thương	122	109	100				9	13	11	2		
2	Sở GD và ĐT	2,381	2376	55	2,321				5	1	4		24
3	Sở Giao thông VT	38	37	37					1	1		1	179
4	Sở Kế hoạch và ĐT	49	46	40				6	3	3			
5	Sở Khoa học và CN	62	59	32				27	3	3		13	4
6	Sở LĐ, TB và XH	161	142	41	37			64	19	2	17		17
7	Sở Nội vụ	74	65	60				5	9	6	3		
8	Sở NN & PTNT	583	564	327	41			196	19	16	3	107	151
9	Sở Ngoại vụ	24	23	23					1	1			
10	Sở Tư pháp	58	52	26				26	6	2	4		7
11	Sở Tài chính	50	48	48					2	2			
12	Sở Tài nguyên và MT	76	72	57				15	4	3	1		138
13	Sở Thông tin và TT	32	29	26				3	3	3			10
14	Sở Văn hóa, TT và DL	204	180	40			130	10	24	4	20	17	93
15	Sở Xây dựng	36	35	32				3	1	1			10
16	Sở Y tế	2,648	2606	55	44	2,507			42	5	37		
17	Tổng đội TNXP	4	4					4				3	
18	Thanh tra tỉnh	34	32	32					2	2			
19	Trường CĐSP	135	135		135				0				5
20	Văn phòng UBND tỉnh	68	56	42				14	12	10	2		36
21	VP ĐEBQH&HĐND tỉnh	37	32	32					5	5			
22	Đài PT-TH tỉnh	60	59				59		1		1		37
23	Ban Dân tộc	32	30	30					2	1	1		
24	BQL các khu KT	53	41	30				11	12	11	1	11	21
25	Hội NNCD da cam	1	1					1					
26	Hội Đông y	3	3			3							
27	Hội BT NKT và TMC	2	2					2					
28	Hội Chữ thập đỏ	14	13					13	1		1		
29	Hội KHHGD	1	1					1					2
30	Hội Làm vườn	2	2					2					3
31	Hội Người mù	3	3					3					
32	Hội Nhà báo	3	3				3					1	
33	Hội VHNT	18	17				17		1		1		
34	LH các Hội KHKT	5	4					4	1		1		
35	LH các TCHN	3	3					3					

TT	Đơn vị	Tổng số	Kế hoạch biên chế năm 2015									Hợp đồng khác	Trả lương từ nguồn thu SN của ĐV
			TS biên chế	Biên chế					TS HĐ68	HĐ68			
				QLNN	SNGD	SNYT	SN VH TT	SN khác		HC	SN		
	<i>I</i>	$2 = 3+9$	$3 = 4+5+6+7+8$	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	$9 = 10+11$	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>
36	LM HTX	18	17					17	1		1		
37	Hội Khuyến học	1	1					1					
38	Hội Cựu TNXP	1	1					1					
39	Ban Đại diện Hội NCT	1	1					1					
II	HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	12,450	12,415	930	11,175	46	154	110	35	28	7	37	114
1	Thành phố Đông Hà	1,156	1,149	119	993	5	20	12	7	7		5	25
2	Thị xã Quảng Trị	501	494	82	385	5	12	10	7	3	4		3
3	Huyện Vĩnh Linh	1,566	1,564	104	1,429	5	14	12	2	2			18
4	Huyện Gio Linh	1,512	1,510	100	1,380	5	14	11	2	1	1		11
5	Huyện Triệu Phong	1,766	1,761	103	1,624	5	17	12	5	5			18
6	Huyện Hải Lăng	1,662	1,658	105	1,524	5	13	11	4	3	1		
7	Huyện Cam Lộ	955	954	87	838	5	14	10	1	1			10
8	Huyện Đakrông	1,239	1,235	104	1,092	5	24	10	4	4		2	7
9	Huyện Hướng Hoá	2,061	2,061	110	1,908	5	25	13				30	22
10	Huyện Đảo Cồn Cỏ	32	29	16	2	1	1	9	3	2	1		
	Cộng toàn tỉnh	19,547	19,319	2,095	13,753	2,556	363	552	228	121	107	190	851